

Số: /2022/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định cơ chế huy động, sử dụng nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc huy động các nguồn lực, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Nguyên tắc huy động nguồn vốn

1. Huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác nhằm hỗ trợ, bổ sung thêm nguồn lực cho các hoạt động, chương trình, dự án để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Việc huy động, sử dụng nguồn vốn phải phù hợp với Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, quy định của từng chính sách tín dụng và các quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng.

3. Việc huy động các nguồn vốn phải được xác định ngay từ bước xây dựng kế hoạch và phù hợp với điều kiện thực tế kinh tế xã hội của từng địa phương.

4. Việc huy động nhân dân đóng góp phải được thực hiện trên nguyên tắc: Thực hiện trên tinh thần dân chủ, tự nguyện, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng. Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, có sự tham vấn, lấy ý kiến của người dân.

5. Phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể trong việc tuyên truyền về chủ trương, chính sách của nhà nước để huy động các nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Điều 4. Nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn; các dự án phát triển sản xuất; các dự án liên kết,...

2. Nguồn vốn đóng góp tự nguyện của người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (*bằng ngày công, tiền, hiện vật, đất đai,...*).

3. Nguồn vốn tín dụng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 5. Cơ chế huy động nguồn vốn

1. Huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Huy động tối đa nguồn vốn tín dụng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia thông qua chính sách tín dụng cho từng đối tượng, nội dung thuộc phạm vi đầu tư từng Chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ về Chính sách tín dụng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Tập trung các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để hỗ trợ có điều kiện thông qua cấp tín dụng ưu đãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện; chuyển các nguồn vốn có tính chất từ thiện và các nguồn hợp pháp khác để ủy thác cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; khuyến khích các tổ chức, cá nhân mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán, tài khoản tạm giữ chi phí tiền bảo hành các công trình tại Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm góp phần tạo lập nguồn vốn, giảm cấp bù cho ngân sách nhà nước theo Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 và Kết luận 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

c) Hằng năm căn cứ các chính sách tín dụng của Nhà nước, khả năng cân đối ngân sách địa phương, nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn, UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh bổ sung nguồn vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tối thiểu 15 tỷ đồng/năm.

2. Huy động nguồn vốn hợp pháp khác

a) Huy động đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Công khai danh mục đầu tư, nội dung đầu tư thuộc đối tượng huy động, tiếp xúc trực tiếp hoặc thư ngỏ với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được huy động để vận động nguồn vốn.

b) Huy động từ cộng đồng dân cư: Tổ chức họp người dân trên địa bàn, thực hiện công khai danh mục đầu tư, nguồn vốn đầu tư, xác định mức huy động

và vận động đầu tư trên nguyên tắc tự nguyện đóng góp; tùy thuộc vào điều kiện thực tế của địa phương đưa ra mức huy động, đóng góp phù hợp.

c) Việc đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư phải được thống nhất và thể hiện bằng biên bản ngay trong bước xây dựng kế hoạch.

d) Đóng góp của người dân có thể bằng tiền, hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu chi ngân sách nhà nước.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý nguồn vốn

1. Hoạt động thu

a) Trường hợp thu bằng tiền, phải lập phiếu thu theo quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo nguyên tắc tài chính kế toán hiện hành.

b) Trường hợp thu bằng hiện vật, công lao động tự nguyện của tổ chức, cá nhân đóng góp: Căn cứ vào số lượng hiện vật, công lao động do người dân đóng góp, giá cả hiện vật, giá ngày công lao động tại địa phương (*tại thời điểm đóng góp*). Thực hiện lập biên bản tiếp nhận.

c) Trường hợp hiện vật của tổ chức, cá nhân đóng góp chưa xác định được giá trị thì phải thành lập Hội đồng xác định giá trị. Hội đồng xác định giá trị do các tổ chức tiếp nhận quyết định thành lập (UBND các cấp, tổ chức thành lập).

2. Quản lý nguồn vốn huy động

Mở sổ kế toán để phản ánh và hạch toán quá trình thu, chi. Đồng thời, mở tài khoản huy động tại Kho bạc Nhà nước. Thực hiện việc nộp toàn bộ nguồn thu vốn huy động vào tài khoản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày huy động.

Điều 7. Sử dụng nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn huy động đầu tư cho công trình nào chỉ được sử dụng cho công trình đó. Sau khi công trình hoàn thành các khoản đóng góp chưa sử dụng hết thì mới được phép để đầu tư cho công trình khác.

2. Chỉ thực hiện giải ngân theo tiến độ hoàn thành từng giai đoạn của dự án, không thực hiện việc tạm ứng trước từ nguồn vốn huy động trong quá trình thực hiện dự án.

3. Phải đảm bảo các nguồn vốn huy động đều phải được đầu tư đúng, đầy đủ, đảm bảo hiệu quả.

Điều 8. Công khai nguồn tài chính huy động

Các nguồn huy động phải được công khai theo quy định hiện hành để quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát.

1. Nội dung công khai gồm: Công khai đối tượng, thời gian, hình thức, mức đóng góp của các đối tượng. Công khai việc thu, chi, sử dụng nguồn vốn huy động.

2. Thời điểm, thời hạn công khai: Kể từ khi bắt đầu triển khai thực hiện cho đến khi hoạt động, chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XV, kỳ họp thứ chín thông qua ngày ... tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Giàng Páo Mỹ